

Bản án số: 40/2018/HSPT
Ngày: 18/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Nghiêm Thị Lượng

Ông Nguyễn Hữu Hòa

- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 113/2018/ HSPT ngày 10 tháng 7 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 112/2018/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Công H, sinh năm 1982. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Công Ngát, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Nụ, sinh năm 1955; Gia đình có 03 chị em, bản thân là út.

Có vợ là Trần Thị Phượng, sinh năm 1984 và có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018 đến 31/01/2018. Hiện tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thị S, sinh năm 1982. Giới tính: Nữ

ĐKHKT: Khu T, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; Gia đình có 04 anh em, bản thân là thứ ba.

Có chồng là Ngô Trọng Q, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2018 đến ngày 20/01/2018. Hiện tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Đình D, sinh năm 1982. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959; Gia đình có 02 anh em, bản thân là lớn.

Có vợ là Đỗ Thị N, sinh năm 1983 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2018 đến ngày 21/01/2018. Hiện tại ngoại (có mặt).

Bị cáo không kháng cáo nhưng có liên quan đến việc xét xử phúc thẩm:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1982. Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Biên (đã chết).

Có chồng là Nguyễn Văn K, sinh năm 1979. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003 con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2018 đến 21/01/2018. Hiện tại ngoại. Vắng mặt.

Trong vụ án còn có 01 bị cáo và 03 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2018, Vũ Công H gặp Nguyễn Thị S, Vũ Công Ngào, Nguyễn Thị L và thỏa thuận thống nhất với nhau về việc mua bán số lô, số đề. Theo thỏa thuận thì hàng ngày S, Ngào, L bán số lô, số đề, số lô xiên cho người mua cùng với số tiền bán được và ghi vào bảng cấp, đến 18 giờ hàng ngày thì nộp các bảng cấp đó cho H. Ngào trực tiếp đem các bảng cấp đề ghi được đến nhà H nộp, còn S và L nộp các bảng cấp đề ghi được cho H bằng cách dùng điện thoại di động chụp ảnh bảng cấp rồi nhắn tin hình ảnh các bảng cấp đề đó đến máy điện thoại di động của H qua mạng Zalo. Căn cứ vào số tiền bán số lô, số đề, số lô xiên ghi trên bảng cấp H thu của S, Ngào, L 83% tổng số tiền bán số đề, 75% tiền bán lô xiên và mỗi điểm lô là 21.800 đồng. S, Ngào, L trực tiếp thu tiền của người mua số lô, số đề, lô xiên và trực tiếp trả tiền cho người trúng còn việc thanh toán giữa H và S, Ngào, L sẽ thực hiện vào sáng hôm sau. Khi bán số lô cho người mua thì Ngào thu của mỗi người mua 22.000 đồng/ 01 điểm lô, còn S và L thu của người mua 23.000 đồng/ 01 điểm lô. Đối với Nguyễn Đình D là bạn cùng thôn với H và biết H là chủ đề, nên D đã hỏi H mua số lô thì bao nhiêu tiền một điểm lô, H nói là 22.000 đồng/ 01 điểm lô, nếu D mua thì nhắn tin qua điện thoại cho H. Cùng thời gian này, S gặp Lương Thị Huyền ở Khu Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, cả hai thống nhất vào 18 giờ hàng ngày S nộp bảng cấp ghi số lô xiên cùng số tiền bán được tương ứng cho Huyền bằng cách dùng điện thoại di động chụp ảnh bảng cấp rồi nhắn tin hình ảnh các bảng cấp đề đó đến máy điện thoại di động của Huyền qua mạng Zalo. Huyền lấy 70% tổng số tiền lô xiên mà S bán được ghi trên bảng cấp.

H và các đối tượng khai nhận cách thức đánh bạc với hình thức chơi số lô, số đề và mức độ sát phạt như sau: Đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, số đề được thực hiện dựa theo kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Người chơi tự chọn con số định chơi (mua) và đặt tiền chơi số lô, số đề tùy ý. Căn cứ vào kết quả xổ số sẽ xác định được người trúng và thanh toán theo tỷ lệ các bên đã thỏa thuận. H là chủ đề, còn S, Ngào, L là các thư ký ghi số lô, số đề cho H và hưởng phần trăm hoa hồng, H sẽ thanh toán cho người trúng thông qua các thư ký đề, H không chuyển bảng cấp lô, đề cho ai khác.

Hành vi cụ thể của các đối tượng như sau:

- **Hành vi của Vũ Công H:** Vũ Công H là người trực tiếp tổ chức cho S, Ngào, L ghi số lô, số đề, lô xiên của người chơi rồi nộp các bảng cấp cho H; còn D trực tiếp mua số lô đề với H, nghĩa là H trực tiếp đánh bạc với D. H không chuyển bảng cấp đề cho ai khác, tự H là chủ theo kiểu được ăn thua chịu. Cụ thể: Ngày 17/01/2018, H nhận trực tiếp số tiền đánh lô của D và Ngào tổng số tiền mua số lô, số đề là: 24.054.500đ và H được hưởng lợi số tiền này. Ngày 18/01/2018, H mua trực tiếp của S, D, L với tổng số tiền mua số lô, số đề, số lô

xiên là: 68.710.000đ (H nhận bằng cấp lô đề của S và đánh bạc với D bằng điện thoại di động thông qua ứng dụng nhắn tin Zalo).

- **Hành vi của Nguyễn Thị S:** Ngày 18/01/2018, S ghi được 01 bảng cấp đề, các số lô, số đề cùng số tiền bán được S ghi vào một mặt của tờ bảng cấp đề, còn số lô xiên và số tiền bán được S ghi vào mặt sau của tờ cấp đề. S đã bán số lô, số đề, lô xiên cho nhiều người và ghi vào bảng cấp đề. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Thọ là công nhân ở trọ tại thôn P, xã P1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh đến quán nước của S mua cặp lô xiên với số tiền 240.000 đồng và số lô 20 điểm tương ứng với số tiền 460.000 đồng, tổng số tiền là 700.000 đồng, S đã thu tiền của Thọ. Sau đó, S dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 của S chụp ảnh bảng cấp đề ghi được rồi gửi tin nhắn hình ảnh bảng cấp đã chụp đến máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7 của H, tiếp đó S gửi tin nhắn hình ảnh bảng lô xiên ghi được đến máy điện thoại của Huyền qua mạng Zalo.

Kết quả kiểm tra bảng cấp đề mà S ghi được ngày 18/01/2018, xác định tổng số tiền bán số lô, số đề, lô xiên là 32.127.000 đồng. Trong đó tiền bán số đề là 5.615.000 đồng, tiền bán số lô là 24.702.000 đồng, tiền bán lô xiên là 1.810.000 đồng.

H xác nhận đã nhận được hình ảnh bảng cấp đề ghi các số lô, số đề do S gửi đến điện thoại của H qua mạng Zalo. S và H xác nhận số tiền bán số lô, số đề trên bảng cấp mà S chuyển cho H ngày 18/01/2018 là 30.317.000 đồng. Theo tỷ lệ đã thỏa thuận thì S phải chuyển tiền cho H là 28.073.650 đồng, S được hưởng lợi số tiền là 2.243.350 đồng.

Huyền xác nhận đã nhận được hình ảnh bảng cấp đề ghi các số lô xiên cho S gửi đến điện thoại của Huyền qua mạng Zalo ngày 18/01/2018. S và Huyền xác nhận số tiền bán lô xiên trên bảng cấp là 1.810.000 đồng. Theo tỷ lệ đã thỏa thuận thì S phải chuyển tiền cho Huyền là 1.267.000 đồng. S được hưởng lợi số tiền 543.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền S được hưởng từ việc bán số lô, số đề, lô xiên ngày 18/01/2018 là 2.243.350 đồng + 543.000 đồng = 2.786.350 đồng, Ngoài việc bán số lô, số lô xiên cho Nguyễn Văn Thọ thì S còn bán số đề, số lô, số lô xiên cho nhiều người khác là công nhân đang thuê trọ ở khu vực này, S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này. Do bị bắt quả tang, nên S chưa chuyển tiền bán số lô, số đề, lô xiên cho H và cho Huyền.

- **Hành vi của Nguyễn Đình D:** Khoảng gần 18 giờ ngày 18/01/2018, D dùng điện thoại di động nhắn tin qua mạng Zalo đến số điện thoại của H với nội dung “ghi cho tôi con 68-1050”, nghĩa là D mua của H số lô 68 là 1.050 điểm tương ứng với số tiền 23.100.000 đồng. H nhắn lại cho D là “OK”, tức là H đồng ý; số tiền này D chưa trả cho H. Ngoài ra, ngày 17/01/2018, D cũng dùng điện thoại nhắn qua Zalo cho H mua số lô 47 với số điểm 1050, tương ứng với số tiền 23.100.000 đồng, kết quả D không trúng và D đã trả số tiền này cho H.

Vật chứng thu giữ:

- Thu của S 1 tờ cáp ghi số lô, số đề, số lô xiên cùng số tiền mua bán số lô, số đề, lô xiên tương ứng; số tiền 10.520.000đ; 01 điện thoại di động Samsung A5 màu đồng.

- Thu của H: 03 bảng cáp ghi số lô, số đề, số lô xiên cùng số tiền mua bán số lô, số đề, lô xiên tương ứng; 01 chiếc điện thoại di động Samsung S8 màu Gold (màu vàng), 01 chiếc điện thoại di động màu vàng.

Ngoài số vật chứng đã thu giữ như đã nêu trên, ông Vũ Công Ngát là bố đẻ của H đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000 đồng và khai là số tiền dùng để đánh bạc của H.

Với nội dung như trên, bản án hình sự sơ thẩm số 122/2018/HSST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Công H phạm tội Đánh bạc và tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng điểm b, c Khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ Công H 03 năm 04 tháng tù về tội Đánh bạc và 05 năm 04 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 08 năm 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án (được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018 đến ngày 31/01/2018).

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Công H 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) về tội Đánh bạc để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị S 05 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/01/2018 đến ngày 20/01/2018).

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình D 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/01/2018 đến ngày 21/01/2018).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đình D 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Đình D đã nộp số tiền 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003029 ngày 18/05/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ nộp lại số tiền đánh bạc của các bị cáo và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 29/5/2018 bị cáo Nguyễn Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 30/5/2018 bị cáo Vũ Công H kháng cáo xin giảm nhẹ

hình phạt; ngày 31/5/2018 bị cáo Nguyễn Đình D làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên các bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng. Bị cáo H đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt; bị cáo S và bị cáo D xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, S, H. Đồng thời, do sự thay đổi chính sách pháp luật hình sự nên mặc dù bị L không kháng cáo nhưng cũng cần sửa phần hình phạt đối với bị cáo L để đảm bảo quyền lợi, sự công bằng giữa các bị cáo. Cụ thể Đại diện VKS đề nghị tuyên bố bị cáo H phạm tội Tổ chức đánh bạc và đánh bạc, xử phạt: từ 28-30 tháng về tội Đánh bạc; từ 18-24 tháng về tội Tổ chức đánh bạc; tổng hợp hình phạt 2 tội là từ 46 – 54 tháng tù. Tuyên bố bị cáo S phạm tội Tổ chức đánh bạc, xử phạt từ 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 – 36 tháng. Bị cáo D phạm tội Đánh bạc, xử phạt từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng. Bị cáo L phạm tội Đánh bạc, xử phạt từ 9-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo S và bị cáo D đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những bị cáo khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có sơ sở để kết luận: Bị cáo Vũ Công H phạm tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội Đánh bạc. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về các tội danh như đã nêu là phù hợp đúng pháp luật.

Việc cấp sơ thẩm truy tố và xét xử các bị cáo với tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 và Điều 322 BLHS 2015 là “Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội” là đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 và Điều 322 BLHS 2015 tuy nhiên: ngày 04/9/2018, Tòa án nhân dân tối cao đã có Công văn số 196 hướng dẫn áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 và Điều 322 BLHS 2015 thì trong trường hợp các bị cáo có sử dụng điện thoại thông qua mạng Zalo để nhắn tin và chụp ảnh các cấp để chuyển cho nhau, thì đây chỉ là việc các bị cáo sử dụng mạng Zalo để đánh bạc và thanh toán tiền đánh bạc với nhau thì không áp dụng tình

tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 các Điều 321 và 322 BLHS để xét xử đối với bị cáo. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định trong vụ án này đối với bị cáo Vũ Công H, hành vi đánh bạc của bị cáo với số tiền trên 50.000.000đ, do vậy cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS 2015 là phù hợp. Như đã phân tích ở trên thì hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo H và bị cáo S chỉ cần xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 322 BLHS 2015 là thỏa đáng. Tương tự như vậy, hành vi đánh bạc của bị cáo D với số tiền dưới 50.000.000đ, nên cũng chỉ cần xét xử bị cáo D theo khoản 1 Điều 321 BLHS là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, HĐXX phúc thẩm thấy:

- Đối với bị cáo Vũ Công H mặc dù là người tổ chức đường dây đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề, lô xiên và trực tiếp đánh bạc với người khác. Tuy nhiên xét, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bố bị cáo là thương binh, gia đình bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền đánh bạc là 10.000.000đ vào cơ quan thi hành án. Trong khi chờ xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000đ là tiền phạt bổ sung và 14.054.000đ là tiền đánh bạc vào Cơ quan thi hành án, đây cũng thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Đối với tình tiết tăng nặng, bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với hành vi “đánh bạc”. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Do việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 2 Điều 322 tội tổ chức đánh bạc để xử phạt bị cáo 05 năm 04 tháng tù cũng là quá cao. Nay cần áp dụng khoản 1 Điều 322 để xét xử đối với bị cáo thì thấy cũng cần phải giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với tội đánh bạc, vẫn cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS để xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên xét thấy, bản thân bị cáo H có nhiều các tình tiết giảm nhẹ, do vậy cần áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội đánh bạc là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là thỏa đáng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị S: Bị cáo S cũng là người tổ chức đánh bạc trong đường dây của bị cáo H, với nhiệm vụ bán số lô, số đề, lô xiên và chuyển lại cho bị cáo H nhằm hưởng số hoa hồng theo tỷ lệ nhất định. Xét bị cáo S là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; hoàn cảnh hiện tại của bị cáo S là rất khó khăn khi chồng là người khuyết tật (khuyết tật: trí tuệ, tâm thần), con lớn mắc chứng tự kỷ; bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và chưa cần thiết phải bắt bị cáo cách ly xã hội mà chỉ cần cải tạo bị cáo tại địa phương cũng đủ điều kiện để bị cáo trở thành công dân tốt.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình D: Bị cáo D là người trực tiếp sử dụng điện thoại di động để đánh bạc dưới hình thức số lô với bị cáo H trong 02 ngày là ngày 17/01/2018 và ngày 18/01/2018 với số tiền đánh bạc mỗi lần là 23.100.000đ. Xét bị cáo D là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị cáo D tự ra đầu thú, trong quá trình xét xử bị cáo đã nộp 10.200.000đ tiền phạt bổ sung vào án phí HSST và số tiền đánh bạc là 23.100.000đ vào chi cục thi hành án dân sự thị xã T chờ xử lý vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn so với tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS để xét xử và cần giảm hình phạt đối với bị cáo và không buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần cải tạo bị cáo tại địa phương là thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị L cũng bị cấp sơ thẩm xét xử theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS và xử phạt bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 5 năm. Mặc dù bị cáo không kháng cáo song do có sự thay đổi về chính sách hình sự nên hành vi của bị cáo L cũng chỉ bị xét xử theo Khoản 1 Điều 321 BLHS nên mức hình phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách thử thách là 5 năm là quá nặng. Do vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là thỏa đáng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo H, S, D được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c Khoản 1 Điều 357 (đối với Vũ Công H), điểm e khoản 1 Điều 357 (đối với Nguyễn Thị S, Nguyễn Đình D) BLTTHS 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Công H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Đình D, Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm b Khoản 2, khoản 3 Điều 321; Khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Vũ Công H 24 tháng tù về tội Đánh bạc và 18 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án (được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018 đến ngày 31/01/2018).

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Công H 15.000.000 đồng về tội Đánh bạc để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị S 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tổ chức đánh bạc. Thời gian thử thách 36 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình D 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đình D 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Thị L 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

2. Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Giao các bị cáo Nguyễn Đình D, bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã P1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền đánh bạc để sung công quỹ Nhà nước. Cụ thể:

- Bị cáo Vũ Công H 24.054.500đ, Xác nhận bị cáo H đã nộp 10.000.000đ tại sơ thẩm và 15.000.000đ tiền phạt bổ sung và 14.054.500đ tiền đánh bạc và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm với tổng số tiền là 29.254.500đ theo biên lai thu tiền số 0003152 ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo Nguyễn Thị S 32.127.000 đồng, xác nhận đã thu của bị cáo S 38.060.000 đồng. Trả lại bị cáo S 5.933.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Đình D 23.100.000đ. Xác nhận bị cáo Nguyễn Đình D đã nộp đủ số tiền 23.100.000đ theo biên lai thu tiền số 0003153 ngày 15/8/2018 và 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0003029 ngày 18/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị cáo Nguyễn Thị L 6.303.000đ. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị L đã nộp số tiền 5.200.000đ theo biên lai thu tiền số 0003027 ngày 17/5/2018 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Các bị cáo Vũ Công H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Đình D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I – Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thị xã T;
- VKSND thị xã T;
- Cơ quan CSĐT thị xã T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BN;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tuyên